

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày: 09-8-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Kiên Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị N, sinh ngày: 06-3-1970, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1950; có chồng là Trần Minh H (đã chết) và có 01 người con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17-3-2024 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Lê Văn V, sinh ngày: 29-9-1976, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1950; có vợ là Lê Thị Ánh N1, sinh năm 1975 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17-3-2024 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm: 1978 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

2- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

Cùng nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1964 (*Có mặt*);

- 4- Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm: 1960 (*Vắng mặt*);
5- Ông Võ Văn C, sinh năm: 1984 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);
6- Ông Trần Văn L, sinh năm: 1974 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);
7- Ông Lê Văn V1, sinh năm: 1961 (*Vắng mặt*);
Cùng nơi cư trú: Ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
8- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1962 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);
Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
9- Ông Lê Văn X, sinh năm: 1953 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).
Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6 năm 2023, do nhu cầu cần tiền tiêu sài, bị cáo Lê Thị N rủ em ruột là bị cáo Lê Văn V cùng ghi bán số đề cho các con bạc. Cả hai thống nhất nhiệm vụ của bị cáo N là trực tiếp nhận ghi bán số đề từ các con bạc bằng hình thức gặp trực tiếp, thông qua tin nhắn hoặc cuộc gọi điện thoại. Sau khi nhận bán số đề cho các con bạc, bị cáo N sẽ chuyển thông tin cho bị cáo V qua tin nhắn để bị cáo V tính toán tiền thắng thua khi có kết quả mở thưởng, lợi nhuận cả hai cùng chia đôi, khi thua lỗ cả hai cùng chịu.

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 27-01-2024, sau khi bị cáo N nhận ghi bán số đề tại chợ L2, ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh với tổng số tiền 1.669.000 đồng, bị cáo N đi về nhà để tiếp tục nhận ghi bán số đề qua điện thoại di động thì bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện và thu giữ tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra xác định, bị cáo N cùng bị cáo V có hành vi ghi bán số lô, số đề cho các con bạc vào các ngày 25 và 26-01-2024, cụ thể như sau:

- Ngày 25-01-2024, ở đài miền N (đài A, Bình Thuận, Tây Ninh), bị cáo N cùng bị cáo V ghi bán số đề cho các con bạc với tổng số tiền 4.333.000 đồng; đối chiếu kết quả mở thưởng, trúng thưởng 1.400.000 đồng, tổng cộng 5.733.000 đồng. Các con bạc gồm:

+ Nguyễn Văn N2 mua số đề đài An Giang, Bình Thuận với tổng số tiền 768.000 đồng.

+ Trần Thị Tuyết M mua số đề đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh với tổng số tiền 420.000 đồng.

+ Nguyễn Văn D mua số đề đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh với tổng số tiền 390.000 đồng, trúng thưởng 350.000 đồng.

+ Lê Văn X mua số đề đài An Giang với tổng số tiền 90.000 đồng, trúng thưởng 350.000 đồng.

+ Trần Văn L, Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1955, cư trú tại ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh), Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1960, trú tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh) và 02 con bạc (không rõ họ tên, địa chỉ) mua số đề đài An Giang, Bình Thuận, Tây Ninh với tổng số tiền 2.665.000 đồng, trúng thưởng 700.000 đồng.

Nhưng bị cáo N không xác định được con số, số tiền đánh bạc của từng người và các đối tượng không thừa nhận việc ghi mua số đề từ bị cáo N.

- Ngày 25-01-2024, ở đài miền B, bị cáo N cùng bị cáo Vũ ghi bán số đề cho các con bạc với tổng số tiền 2.436.000 đồng; đối chiếu kết quả mở thưởng, trúng thưởng 3.700.000 đồng, tổng cộng 6.136.000 đồng. Các con bạc gồm:

- + Nguyễn Văn N2 với tổng số tiền 924.000 đồng, trúng thưởng 350.000 đồng.
- + Trần Thị Tuyết M với tổng số tiền 270.000 đồng, trúng thưởng 350.000 đồng.

- + Nguyễn Văn D với tổng số tiền 432.000 đồng.

- + Võ Văn C với tổng số tiền 810.000 đồng, trúng thưởng 3.000.000 đồng.

- Ngày 26-01-2024, ở đài miền N (đài V, Bình Dương, Trà Vinh), bị cáo N cùng bị cáo Vũ g bán số đề với tổng số tiền 6.374.000 đồng; đối chiếu kết quả mở thưởng, không trúng thưởng. Các con bạc gồm:

- + Trần Thị Tuyết M mua số đề đài Vĩnh Long, Bình Dương, Trà Vinh với tổng số tiền 480.000 đồng.

- + Nguyễn Văn D mua số đề đài Vĩnh Long, Bình Dương, Trà Vinh với tổng số tiền 420.000 đồng.

- + Nguyễn Văn N2 mua số đề đài Bình Dương, Trà Vinh với tổng số tiền 776.000 đồng.

- + Nguyễn Văn T mua số đề đài Trà Vinh với tổng số tiền 60.000 đồng.

- + Nguyễn Văn T1 mua số đề đài Vĩnh Long, Bình Dương, Trà Vinh với tổng số tiền 150.000 đồng.

- + Lê Văn V1 mua số đề đài Vĩnh Long, Bình Dương, Trà Vinh với tổng số tiền 210.000 đồng.

- + Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị L1 và 01 con bạc (không rõ họ tên, địa chỉ) mua số đề đài Vĩnh Long, Bình Dương, Trà Vinh với tổng số tiền 4.278.000 đồng. Nhưng bị cáo N không xác định được con số, số tiền đánh bạc của từng người này và các đối tượng cũng không thừa nhận việc ghi mua số đề từ bị cáo N.

- Ngày 26-01-2024, ở đài miền B, bị cáo N cùng bị cáo Vũ g bán số đề với tổng số tiền 2.170.000 đồng; đối chiếu kết quả mở thưởng, trúng thưởng 350.000 đồng. Các con bạc gồm:

- + Nguyễn Văn T1 với tổng số tiền 1.040.000 đồng.

- + Trần Thị Tuyết M với tổng số tiền 145.000 đồng, trúng thưởng 350.000 đồng.

- + Nguyễn Văn N2 với tổng số tiền 480.000 đồng.

Tỷ lệ cá cược: Nếu ghi bao lô, đầu đuôi, trúng thưởng với tỷ lệ 1 thắng 70, tức mua 1.000 đồng nếu trúng thì trúng 70.000 đồng, bao lô 03 con số trúng thưởng với tỷ lệ 1 thắng 600, tức mua 1.000 đồng nếu trúng thì trúng 600.000 đồng. Nếu đá 02 cặp số (tức kết quả có 02 cặp số) thì trúng thưởng với tỷ lệ 1 thắng 600, tức mua 1.000 đồng nếu trúng thì trúng 600.000 đồng. Đài miền N mỗi đài có 18 lô và đài miền B 27 lô. Hình thức đánh bạc là sau khi có kết quả xổ số các đài miền N, đài miền B xong thì thanh toán tiền thắng thua bằng cách đối chiếu với kết quả xổ số ở đài tương ứng trong ngày. Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tạm giữ gồm:

- Tạm giữ của bị cáo Lê Thị N:

+ Tạm giữ khi kiểm tra phát hiện: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu đỏ, số IMEI 1: 358176105316687/01 và số IMEI 2: 358177105316685/01 gắn kèm số thuê bao 0798.026859 và 0336.122791; 05 tờ phôi đề; 01 cây viết mực màu xanh; tiền Việt Nam: 13.930.000 đồng; 01 quyển sổ có ghi chữ và số; 01 túi loại có dây đeo.

+ Tạm giữ tại nhà bị cáo N giao nộp: 49 tờ phôi đề; 03 cây viết mực màu xanh; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359196050589483, số IMEI 2: 359196050589491 gắn sim số thuê bao 0898.811475; 01 máy tính nhãn hiệu CASIO và 01 quyển tập học sinh có ghi chữ và số.

- Tạm giữ của bị cáo Lê Văn V: 01 thẻ sim số thuê bao 0817.362497, ký hiệu trên thẻ sim là Vinaphone 898402000 11453806752; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen, số IMEI 1: 867253058535532, số IMEI 2: 867253058535524, không gắn thẻ sim.

- Tạm giữ của bà Trần Thị Tuyết M: 01 điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 352115459250031, gắn thẻ sim số thuê bao 0327.725304.

- Tạm giữ của ông Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 867939046980059, số IMEI 2: 867939046980042, gắn thẻ sim số thuê bao 0358.636618.

- Tạm giữ của ông Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu REALME, số IMEI 1: 867977050159491, số IMEI 2: 867977050159483, gắn thẻ sim số thuê bao 0776.670510.

- Tạm giữ của ông Nguyễn Văn N2: 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359952645957498, số IMEI 2: 359952645957506, gắn thẻ sim số thuê bao 0379.444569.

- Tạm giữ của ông Lê Văn X: 01 điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 356107164214481, gắn thẻ sim số thuê bao 0793.878564.

Tại Cơ quan điều tra, 02 bị cáo N, V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với hành vi làm chủ lô đề của bị cáo N và bị cáo V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt vi phạm hành chính mỗi bị cáo là 30.000.000 đồng.

Đối với hành vi đánh bạc của bà Trần Thị Tuyết M, các ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N2, Võ Văn C, Trần Văn L, Lê Văn V1, Nguyễn Văn T1, Lê Văn X, do không cấu thành tội phạm, Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép mỗi đối tượng từ 350.000 đồng đến 1.400.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L1 không thừa nhận việc ghi mua số đề từ bị cáo N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành điều

tra, nhưng không đủ cơ sở xác định các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm, nên không xử lý.

Đối với 02 con bạc không rõ họ tên, địa chỉ đã ghi mua số đề từ bị cáo N, do không đủ thông tin, tài liệu xác định đối tượng, khi nào làm việc được, có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HS ngày 11-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố 02 bị cáo Lê Thị N, Lê Văn V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị N, Lê Văn V có mặt giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án, khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã nêu trong Bản cáo trạng; Bị cáo N xin nhận lại điện thoại hiệu Samsung màu đỏ gắn kèm số thuê bao 0798.026859, 01 quyển sổ có ghi chữ và số, 01 túi loại có dây đeo và số tiền 13.318.000 đồng; Bị cáo V xin nhận lại điện thoại hiệu VIVO màu đen và thẻ sim số thuê bao 0817.362497. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D có mặt xin nhận lại điện thoại hiệu REALME gắn thẻ sim số thuê bao 0776.670510. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại do vắng mặt, nên không có lời trình bày; Trong các đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt xác định vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố 02 bị cáo Lê Thị N, Lê Văn V phạm tội “Đánh bạc”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội hai lần trở lên. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhiều thân nhân tham gia cách mạng. Do đó, Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 17-3-2024; Phạt bổ sung bị cáo N phải nộp số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 17-3-2024; Phạt bổ sung bị cáo V phải nộp số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Buộc 02 bị cáo nộp lại số tiền liên quan đến tội phạm là 16.982.000 đồng, được trừ một phần vào tiền đánh bạc (549.000 đồng) đang bị tạm giữ.

Đối với vật chứng, V2 đề nghị xử lý là:

- + Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án: 54 tờ phôi đề; 01 quyển sổ có ghi chữ và số; 01 quyển tập học sinh có ghi chữ và số (tạm giữ của bị cáo N).

- + Tịch thu và tiêu hủy: 04 cây viết mực màu xanh; Các sim số thuê bao 0336.122791, 0898.811475, 0327.725304, 0358.636618, 0776.670510, 0379.444569, 0793.878564 và thẻ sim số thuê bao 0817.362497, ký hiệu trên thẻ sim là Vinaphone 898402000 11453806752.

- + Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm

ứng nhãn hiệu Samsung màu đỏ, số IMEI 1: 358176105316687/01, số IMEI 2: 358177105316685/01; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359196050589483, số IMEI 2: 359196050589491; tiền Việt Nam 549.000 đồng; 01 máy tính nhãn hiệu CASIO (tạm giữ của bị cáo N); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen, số IMEI 1: 867253058535532, số IMEI 2: 867253058535524, không gắn thẻ sim (tạm giữ của bị cáo V); 01 điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 352115459250031 (tạm giữ của bà Trần Thị Tuyết M); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 867939046980059, số IMEI 2: 867939046980042 (tạm giữ của ông Nguyễn Văn T); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu REALME, số IMEI 1: 867977050159491, số IMEI 2: 867977050159483 (tạm giữ của ông Nguyễn Văn D); 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359952645957498, số IMEI 2: 359952645957506 (tạm giữ của ông Nguyễn Văn N2); 01 điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 356107164214481 (tạm giữ của ông Lê Văn X).

+ Trả lại cho cáo N: Sim số thuê bao 0798.026859; tiền Việt Nam 13.318.000 đồng; 01 túi loại có dây đeo. Do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tiếp tục quản lý số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, V2 đề nghị buộc hai bị cáo N, V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là: Các bị cáo đã rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tuyết M, các ông Nguyễn Văn T, Võ Văn C, Trần Văn L, Nguyễn Văn T1, Lê Văn X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông Nguyễn Văn N2, Lê Văn V1 đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do. Do các đương sự này đã có lời khai rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt họ không gây cản trở cho việc xét xử, nên căn cứ quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là: Vào ngày 25 và 26-01-2024, tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Lê Thị N và bị cáo Lê Văn V có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với các con bạc gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Cụ thể: Ngày 25-01-2024, ở đài miền B, bị cáo N và bị cáo V có hành vi ghi bán số đề cho các con bạc với tổng số tiền 6.136.000 đồng; Ngày 25-01-2024, ở đài miền N, bị cáo N và bị cáo V có hành vi ghi bán số đề cho các con bạc với tổng số tiền 5.733.000 đồng; Ngày 26-01-2024, ở đài miền N, bị cáo N và bị cáo V có hành vi ghi bán số đề cho các con bạc với tổng số tiền 6.374.000 đồng. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thu thập được có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ. Về số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc trong các lần đánh bạc đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, nên các bị cáo phải chịu truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với từng lần đánh bạc và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét thấy Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HS ngày 11-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Lê Thị N và bị cáo Lê Văn V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, không oan, không sai đối với các bị cáo.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến hoạt động sinh sống bình thường và gây bức xúc trong Nhân dân, tạo ra dư luận, sự hoài nghi của Nhân dân đối với chính quyền các cấp và cơ quan bảo vệ pháp luật về lĩnh vực an ninh trật tự tại địa phương. Việc đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền hình thức ghi bán số lô, số đề là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, đã được quy định rõ trong Bộ luật Hình sự. Đây là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân của sự đói nghèo, cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác.

[4] Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Cả hai bị cáo có sự thông nhất khi thực hiện hành vi phạm tội, trong đó: Bị cáo N là trực tiếp nhận ghi bán số đề từ các con bạc bằng hình thức gặp trực tiếp, thông qua tin nhắn hoặc cuộc gọi điện thoại; Sau khi nhận bán số đề cho các con bạc, bị cáo N sẽ chuyển thông tin cho bị cáo V qua tin nhắn để bị cáo V tính toán tiền thắng thua khi có kết quả mở thưởng, lợi nhuận cả hai cùng chia đôi, khi thua lỗ cả hai cùng chịu. Các bị cáo Lê Thị N, Lê Văn V là chị em ruột, đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật; Có đủ sức khỏe để lao động chân chính, nhưng đã không chí thú làm ăn, muốn thu lợi bất chính mà không phải bỏ công sức lao động vẫn có được lợi nhuận nhanh, nên các bị cáo đã tìm cách che giấu hành vi phạm tội, cố ý thực hiện hành vi Đánh bạc trái phép. Mặt khác, bị cáo V còn có nhân thân xấu, đó là: Vào ngày 28-4-2021 từng bị Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số

tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép. Đáng lẽ ra sau lần vi phạm pháp luật, bị cáo V phải biết tự sửa chữa bản thân, trở thành công dân tốt cho xã hội, giúp ích cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được, mà còn tiếp tục phạm tội. Hành vi của hai bị cáo thể hiện thái độ rất xem thường pháp luật. Để góp phần ổn định trật tự trị an tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, ngăn chặn những hành vi tương tự có thể xảy ra. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của các bị cáo và tính chất của vụ án, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, đồng thời cần áp dụng phạt bổ sung hình thức phạt tiền đối với các bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Ngoài ra, buộc hai bị cáo phải nộp lại số tiền liên quan đến tội phạm là 16.982.000 đồng (Trừ vào số tiền 549.000 đồng tạm giữ của bị cáo N xác nhận là tiền đánh bạc trái phép, còn lại hai bị cáo phải nộp là 16.433.000 đồng).

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo, Hội đồng xét xử đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đó là: Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Có nhiều người thân có công cách mạng (gồm: bác ruột tên Lê Văn N3 và cha chồng bị cáo N tên Trần Văn K cùng là Liệt sĩ, chú ruột tên Lê Minh H1 và cha vợ bị cáo V tên Lê Ngọc V3 cùng là thương binh). Riêng bị cáo V là lao động chính trong gia đình, có vợ bị tai nạn lao động, sức khỏe yếu, có con còn nhỏ. Đây là những căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với tổng cộng 54 tờ phoi dề; 01 quyển sổ có ghi chữ và số; 01 quyển tập học sinh có ghi chữ và số, tạm giữ của bị cáo N: Đã được Cơ quan điều tra đóng dấu bút lục, là tài liệu hồ sơ. Nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án. Không chấp nhận yêu cầu của bị cáo N về việc xin nhận lại quyển sổ có ghi chữ và số.

- Đối với 04 cây viết mực màu xanh, số thuê bao 0336.122791, sim số thuê bao 0898.811475, tạm giữ của bị cáo N; 01 thẻ sim số thuê bao 0817.362497, ký hiệu trên thẻ sim là Vinaphone 898402000 11453806752, tạm giữ của bị cáo V. Tại phiên tòa, các bị cáo xác định có sử dụng các số điện thoại này và 01 cây viết mực xanh để liên lạc ghi bán số lô, số dề, còn lại 03 cây viết mực xanh bị cáo N xác nhận không còn sử dụng được. Nên cần tịch thu và tiêu hủy. Không chấp nhận yêu cầu xin nhận lại các sim số thuê bao điện thoại này của bị cáo N, bị cáo V.

- Đối với:

- + 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu đỏ, số IMEI 1: 358176105316687/01 và số IMEI 2: 358177105316685/01; tiền Việt Nam 549.000 đồng; 01 máy tính nhãn hiệu CASIO; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359196050589483, số IMEI 2: 359196050589491, tạm giữ của bị cáo N. Tại phiên tòa, bị cáo N xác nhận sử dụng điện thoại NOKIA màu đen và máy tính CASIO phục vụ cho việc ghi bán số lô, số dề, còn điện thoại Samsung màu đỏ thì con bạc có gọi đến cho bị cáo (qua số điện thoại 0898.811475 gắn trong điện thoại này) để mua số dề.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen, số IMEI 1: 867253058535532, số IMEI 2: 867253058535524, không gắn thẻ sim, tạm giữ của bị cáo V. Tại phiên tòa, bị cáo V xác nhận sử dụng điện thoại này liên lạc tính toán tiền ghi bán và thắng thua số lô, số đề.

Do liên quan hành vi phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước. Không chấp nhận yêu cầu xin nhận lại các điện thoại này của hai bị cáo.

- Đối với: Sim số thuê bao 0798.026859, tiền Việt Nam 13.318.000 đồng, 01 túi loại có dây đeo, tạm giữ của bị cáo N. Do không liên quan hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục quản lý tiền để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với:

+ 01 điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 352115459250031, gắn thẻ sim số thuê bao 0327.725304, tạm giữ của bà Trần Thị Tuyết M.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 867939046980059, số IMEI 2: 867939046980042, gắn thẻ sim số thuê bao 0358.636618, tạm giữ của ông Nguyễn Văn T.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu REALME, số IMEI 1: 867977050159491, số IMEI 2: 867977050159483, gắn thẻ sim số thuê bao 0776.670510, tạm giữ của ông Nguyễn Văn D.

+ 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359952645957498, số IMEI 2: 359952645957506, gắn thẻ sim số thuê bao 0379.444569, tạm giữ của ông Nguyễn Văn N2.

+ 01 điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 356107164214481, gắn thẻ sim số thuê bao 0793.878564, tạm giữ của ông Lê Văn X.

Do liên quan hành vi phạm tội, nên cần tịch thu và tiêu hủy các thẻ sim; tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước các điện thoại này. Không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc xin nhận lại sim và điện thoại của ông.

[7] Đối với hành vi làm chủ lô đề của 02 bị cáo N, V và hành vi của bà Trần Thị Tuyết M, các ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N2, Võ Văn C, Trần Văn L, Lê Văn V1, Nguyễn Văn T1, Lê Văn X, không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. Đối với ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị L1 và 02 con bạc không rõ họ tên, địa chỉ đã mua số đề từ bị cáo N, do không đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội, nên khi nào làm việc được và có căn cứ thì Cơ quan điều tra sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Thị N, Lê Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra - truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[10] Từ những nhận định trên, quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị N và bị cáo Lê Văn V phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 17-3-2024 .

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị N số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 17-3-2024.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn V số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp đối với người phạm tội và xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Lê Thị N và bị cáo Lê Văn V phải nộp lại số tiền liên quan đến tội phạm là 16.433.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- *Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án:*

+ 54 (Năm mươi bốn) tờ phơi đề;

+ 01 (Một) quyển sổ có ghi chữ và số;

+ 01 (Một) quyển tập học sinh có ghi chữ và số.

- *Tịch thu và tiêu hủy:*

+ 04 (Bốn) cây viết mực màu xanh;

+ Các sim số thuê bao 0336.122791, 0898.811475, 0327.725304, 0358.636618, 0776.670510, 0379.444569, 0793.878564;

+ 01 (Một) thẻ sim số thuê bao 0817.362497, ký hiệu trên thẻ sim là Vinaphone 898402000 11453806752.

- *Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước:*

- + 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu đỏ, số IMEI 1: 358176105316687/01 và số IMEI 2: 358177105316685/01;
- + 01 (Một) điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359196050589483, số IMEI 2: 359196050589491;
- + Tiền Việt Nam 549.000đ (Năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng);
- + 01 (Một) máy tính nhãn hiệu CASIO;
- + 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen, số IMEI 1: 867253058535532, số IMEI 2: 867253058535524, không gắn thẻ sim.
- + 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 352115459250031;
- + 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 867939046980059, số IMEI 2: 867939046980042;
- + 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu REALME, số IMEI 1: 867977050159491, số IMEI 2: 867977050159483;
- + 01 (Một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 359952645957498, số IMEI 2: 359952645957506;
- + 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số sê ri 356107164214481.

- *Trả lại cho bị cáo Lê Thị N:*

- + Sim số thuê bao 0798.026859;
- + Tiền Việt Nam 13.318.000đ (Mười ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng);
- + 01 (Một) túi loại có dây đeo.

Nhưng cần tiếp tục quản lý số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Thị N và bị cáo Lê Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo